

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2025/DS-PT  
Ngày 19- 11 - 2025

V/v tranh chấp về hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đinh Huy Lưỡng.

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Tử Lượng.

Ông Nguyễn Thành Công.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Liên - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:** Ông Trần Trọng Dân – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2025/TLPT-DS ngày 01 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

Do bản án sơ thẩm số 14/2025/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2025/QĐ-PT ngày 27 tháng 10 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị Hoài T, sinh năm 1977; địa chỉ: tổ dân phố A, xã N, tỉnh Ninh Bình (trước ngày 01/7/2025 là tổ dân phố A, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nam Định);

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Hải T1, sinh năm 1970; địa chỉ: địa chỉ: tổ dân phố A, xã N, tỉnh Ninh Bình (trước ngày 01/7/2025 là tổ dân phố A, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nam Định);

3. *Người làm chứng:* ông Đoàn Hữu H; địa chỉ: địa chỉ: tổ dân phố A, xã N, tỉnh Ninh Bình (trước ngày 01/7/2025 là tổ dân phố A, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nam Định);

4. *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị Hải T1 - Bị đơn trong vụ án.

Tại phiên toà có mặt: bà T, bà T1, ông H.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện ngày 05 tháng 3 năm 2025 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Đỗ Thị Hoài T trình bày:*

Năm 2020, bà Nguyễn Thị Hải T1 (sau đây viết tắt là bà T1) cần tiền để mua thuốc về bán nên đã nhiều lần vay tiền của bà Đỗ Thị Hoài T (sau đây viết tắt là bà T). Mỗi lần bà T1 vay tiền của bà T đều viết “giấy vay tiền” do bà T1 viết và ký. Hai bên thỏa thuận mức lãi suất cho vay là 10%/năm và có thỏa thuận thời gian trả nợ cho từng lần vay. Khi đến thời gian trả nợ, bà T1 đã không trả và có viết giấy khất nợ. Các lần bà T1 vay tiền, số tiền và thời hạn trả cụ thể như sau:

Ngày 16/4/2020 (âm lịch) là ngày 2/8/2020 (dương lịch) bà T1 vay số tiền là 6.000.000 đồng, thời hạn vay hai bên thỏa thuận khi nào bà T yêu cầu thì bà T1 trả;

Ngày 26/5/2020 (âm lịch) là ngày 16/7/2020 (dương lịch), bà T1 vay số tiền là 10.000.000 đồng, thời hạn vay là 20 ngày.

Ngày 04/6/2020 (âm lịch) là ngày 23/7/2020 (dương lịch), bà T1 vay số tiền là 10.000.000 đồng, thời hạn vay là 50 ngày.

Ngày 10/6/2020 (âm lịch) là ngày 29/7/2020 (dương lịch), bà T1 vay số tiền là 20.000.000 đồng, thời hạn vay là 50 ngày.

Ngày 20/6/2020 (âm lịch) là ngày 08/8/2020 (dương lịch) bà T1 vay số tiền là 36.500.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng.

Ngày 08/7/2020, bà T1 vay số tiền là 1.000.000 đồng, thời hạn vay là 03 ngày.

Bà T đã yêu cầu bà T1 trả nợ rất nhiều lần nhưng bà T1 không trả và có viết giấy khất nợ. Đến nay, bà T1 chưa trả được cho bà T số tiền gốc và tiền lãi nào.

Bà T khởi kiện yêu cầu bà T1 phải có trách nhiệm thanh toán số tiền gốc là 83.500.000 đồng và khoản tiền lãi với mức lãi suất là 10%/năm, thời hạn tính khoản tiền lãi là từ ngày 08/7/2020 cho đến nay.

*Tại bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án bị đơn là bà Nguyễn Thị Hải T1 trình bày:*

Qua người quen giới thiệu bà T1 mới biết bà T. Việc vay tiền giữa bà T1 và bà T chỉ là tiền lấy hội. Bà T1 vay tiền của bà T rất nhiều lần. Các lần vay tiền của bà T, bà T1 có viết và ký giấy vay tiền. Hai bên có thỏa thuận lãi suất vay nhưng cao hơn mức bà T đã trình bày. Số tiền gốc vay bà T giao cho bà T1 không đủ như “Giấy vay tiền” mà bà T viết và ký. Tổng số tiền gốc bà T1 vay của bà T là 83.500.000 đồng. Đến nay, bà T1 đã trả xong không còn nợ gì nữa. Bà T1 không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi tiền gốc và tiền lãi theo yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 14/2025/DS -ST ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định đã quyết định:

*1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Hoài T, buộc bà Nguyễn Thị Hải T1 phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Đỗ Thị Hoài T số tiền gốc vay là*

83.500.000 đồng và số tiền lãi vay là 40.797.450 đồng. Tổng cộng là: 124.297.450 đ (một trăm hai mươi bốn triệu hai trăm chín mươi bảy nghìn bốn trăm năm mươi đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hải T1 phải nộp tiền án phí là 6.214.872 đồng (sáu triệu hai trăm mười bốn nghìn tám trăm bảy mươi hai đồng). Hoàn trả lại cho bà Đỗ Thị Hoài T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.118.000 đồng (ba triệu một trăm mười tám nghìn đồng), theo Biên lai thu tiền số 0005362 ngày 19 tháng 5 năm 2025 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Đỗ Thị Hoài T và bà Nguyễn Thị Hải T1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ngày 07/7/2025, bà T1 nộp đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 14/2025/DS -ST ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, với lý do bà T1 không còn nợ bà T cả tiền gốc và tiền lãi. Bà T1 đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung bản án và bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị cấp phúc thẩm giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm. Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử bác yêu cầu kháng cáo bà Nguyễn Thị Hải T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 14/2025/DS -ST ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định. Án phí dân sự phúc thẩm buộc bà Nguyễn Thị Hải T1 phải chịu tiền án phí phúc thẩm được đối trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà bà Nguyễn Thị Hải T1 đã nộp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn - bà Nguyễn Thị Hải T1 có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên xác định là hợp lệ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Ban hành các văn bản tố tụng và tổng đạt văn bản của Tòa án theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị đơn bà T1 đề nghị đưa ông Đoàn Hữu H; địa chỉ: địa chỉ: tổ dân phố A, xã N, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên toà phúc thẩm với tư cách là người làm chứng. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cần thiết nên chấp nhận đề nghị của bà T1.

[2] Về nội dung kháng cáo của bị đơn:

[2.1] Trên cơ sở các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm đã xác định được: Từ tháng 4 đến tháng 7 năm 2020, S lần bà T1 vay tiền của bà T với tổng số tiền là 83.500.000 đồng. Nội dung vay tiền giữa bà T1 và bà T được thể hiện tại sáu Giấy biên nhận vay tiền (Bút lục 43, 44, 45, 46, 47) có chữ ký của bà T1. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T1 cũng thừa nhận nội dung các Giấy biên nhận vay tiền đều do bà T1 viết và ký tên. Vì vậy, các Giấy biên nhận vay tiền được các đương sự thừa nhận là những tài liệu, chứng cứ không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2.2]. Bà T1 kháng cáo cho rằng số tiền 83.500.000 đồng bà T1 vay của bà T là số tiền ông họ. Các giấy vay tiền là do bà T bắt bà T1 viết. Bà T1 đã trả hết cho bà T nhưng bà T không xé các giấy vay tiền đó đi. Khi vay tiền hai bên có thoả thuận lãi suất rất cao nhưng không ghi vào giấy vay tiền. Bà T1 không có tài liệu, chứng cứ bằng văn bản để cung cấp cho Tòa án. Bà T1 trình bày việc vay tiền giữa bà T1 và bà T chỉ có ông Đoàn Hữu H và bà Đàm Thị T2 làm chứng. Tuy nhiên, tại Biên bản lấy lời khai ngày 26/6/2025 và tại phiên toà phúc thẩm, ông H trình bày chỉ nhớ cách đây khoảng 5 năm, ông H có chứng kiến việc bà T1 vay tiền của bà T khoảng 7 đến 8 lần các lần vay bà T đều cho bà T1 vay 10.000.000 đồng nhưng cắt lãi luôn bà T chỉ nhận 8.000.000 đồng (bút lục 50). Tại Biên bản lấy lời khai ngày 26/6/2025, bà Đàm Thị T2 trình bày bà T2 chỉ biết nội dung vay tiền giữa bà T và bà T1 do bà T1 nói lại khi bà T2 sang mua thuốc tại nhà bà T vào khoảng thời gian năm 2023, bà T cho bà T1 vay tiền nhiều lần, mỗi lần vay 10.000.000 đồng nhưng cắt lãi luôn, bà T chỉ nhận 8.000.000 đồng (bút lục 51). Như vậy, lời khai của những người làm chứng không phù hợp với nội dung các Giấy biên nhận vay tiền mà bà T1 đã thừa nhận nên không có cơ sở để chứng minh cho nội dung bà T1 trình bày. Mặt khác, từ cuối năm 2022 đến đầu năm 2023, bà T1 viết nhiều Giấy khát nợ với nội dung bà T1 chưa có tiền trả nợ hứa sẽ trả cho bà T. Do đó, có đủ cơ sở khẳng định từ tháng 4 đến tháng 7 năm 2020, bà T1 đã 06 lần vay tiền của bà T với tổng số tiền là 83.500.000 đồng, các bên có thoả thuận lãi nhưng không thể hiện bằng văn bản và có tranh chấp với nhau về lãi suất. Đến nay, không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh bà T1 đã trả cho bà T khoản tiền nào.

[2.3] Với các tài liệu chứng cứ đã được xem xét công khai tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: việc vay tiền giữa bà T và bà T1 theo nội dung các Giấy biên nhận vay tiền do nguyên đơn xuất trình là có thật. Bị đơn bà T1 không có tài liệu chứng cứ chứng minh cho việc đã trả các khoản tiền vay cho bà T. Các bên không thống nhất với nhau về mức lãi. Vì vậy, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Hải T1 phải có trách nhiệm trả cho bà Đỗ Thị Hoài T số tiền gốc là 83.500.000 đồng và số tiền lãi vay theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân

sự năm 2015 với số tiền lãi từ ngày vay lần cuối cùng đến ngày xét xử sơ thẩm là 40.797.450 đồng. Tổng cộng là: 124.297.450 đồng (một trăm hai mươi bốn triệu hai trăm chín mươi bảy nghìn bốn trăm năm mươi đồng) là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật. Do đó, yêu cầu kháng cáo của bà T1 không được chấp nhận.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình phát biểu, phân tích các tình tiết của vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T1. Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị Hải T1 phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ: Điều 463, 466, 468, 469 và 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 14/2025/DS -ST ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định cụ thể như sau:

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Buộc bà Nguyễn Thị Hải T1 phải trả cho bà Đỗ Thị Hoài T số tiền gốc là 83.500.000 đồng và số tiền lãi là 40.797.450 đồng. Tổng cộng là: 124.297.450 đồng (một trăm hai mươi bốn triệu hai trăm chín mươi bảy nghìn bốn trăm năm mươi đồng)

1.2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Hải T1 phải nộp tiền án phí là 6.214.872 đồng (sáu triệu hai trăm mười bốn nghìn tám trăm bảy mươi hai đồng). Hoàn trả lại cho bà Đỗ Thị Hoài T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.118.000 đồng (ba triệu một trăm mười tám nghìn đồng), theo Biên lai thu tiền số 0005362 ngày 19 tháng 5 năm 2025 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

**3. Về án phí dân sự phúc thẩm:** Bà Nguyễn Thị Hải T1 phải chịu án phí phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà Nguyễn Thị Hải T1 đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai ký hiệu BLTU/25E số: 0000072 ngày 16/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Bà Nguyễn Thị Hải T1 đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

**4. Về hướng dẫn thi hành án dân sự:** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 19 tháng 11 năm 2025.**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Đã ký*

**Đình Huy Lưỡng**